TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Án số: 05/2024/HS-ST
Ngày 16 - 01 - 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Phụng và ông Nguyễn Thế Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Toà án nhân dân thành phố Thái Bình mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 240/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2023/QĐXX-HS ngày 29 tháng 12 năm 2023 và Thông báo về việc rời lịch phiên tòa xét xử vụ án số 01/TB-TA ngày 05 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/HSST-QĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Tiến Q**, sinh ngày 18/11/1989; nơi sinh: Tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn G, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị T; vợ là chị Hoàng Thị G và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/9/2023, được thay thế biện pháp ngăn chặn băng biện pháp Bảo lĩnh từ ngày 10/11/2023 đến nay, có mặt.

2. Họ và tên: **Trần Trung H**, sinh ngày 17/12/1990; nơi sinh: Tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần văn D và bà Đinh Thị H; vợ là chị Phạm Thị Kiều C và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/9/2023 đến nay, có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Trọng N, sinh năm 1993, (vắng mặt).;

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do quen biết với nhau nên khoảng tháng 6/2022, bị cáo Nguyễn Tiến Q có ý định tìm người cho vay tiền lấy lãi suất nên bị cáo Q đã rủ bị cáo Trần Trung H làm cùng, bị cáo H đồng ý nên hai bị cáo thống nhất bị cáo Q là người bỏ tiền ra cho vay, bị cáo H là người tìm khách vay, khi tìm được khách vay bị cáo H thông báo cho bị cáo Q và cả hai sẽ thống nhất lãi suất cho vay. Bị cáo Q đưa tiền cho bị cáo H, bị cáo H có trách nhiệm cho khách vay viết giấy vay tiền, đôn đốc khách vay đóng tiền lãi. Khi thu được tiền lãi bị cáo H được hưởng 10%, bị cáo Q hưởng 90%. Bị cáo H đã tìm được khách vay là anh Hoàng Trọng N, bị cáo H báo lại cho bị cáo Q, hai bị cáo thống nhất cho anh N vay tiền với lãi suất 7.000 đồng/1 triệu/1 ngày và cứ 10 ngày thu tiền 1 lần. Từ tháng 6/2022 đến ngày 26/8/2023, bị cáo Q đưa cho bị cáo H tổng số tiền 100.000.000 đồng tiền mặt, bị cáo H làm thủ tục cho anh Hoàng Trọng N vay 02 lần tiền, mỗi lần 50.000.000 đồng. Bị cáo H thoả thuận với anh N lãi suất 7.000 đồng/1 triệu/1 ngày và tiền lãi thu 10 ngày/1 lần/ số tiền 3.500.000 đồng tương ứng lãi suất cho vay là 255%/năm. Khi nhận tiền lãi từ anh N, bị cáo H nhắn tin từ tài khoản Zalo của bị cáo H tên là "H Trần" đăng ký số điện thoại 0834558000 cho bị cáo Q qua tài khoản Zalo bị cáo H ghi "Anh Q Nguyễn" để thông báo cho bị cáo Q biết số tiền lãi anh N đã trả 3.500.000 đồng/10 ngày/lần. Sau mỗi lần thu tiền lãi của anh N bị cáo H giữ lại số tiền 350.000 đồng tương ứng 10% tiền lãi, bị cáo H chuyển số tiền 3.150.000 đồng tương ứng 90% tiền lãi cho bị cáo Q. Anh N sử dụng số tài khoản 1026222468 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V chủ thẻ là Hoàng Trọng N để chuyển tiền lãi đến số tài khoản 9123569877 mở tại ngân hàng Thương mại Cổ phần K chủ thẻ là Trần Trung H cho bị cáo H. Bị cáo H chuyển số tiền lãi cho bị cáo Q vào 02 số tài khoản là số 33118886666 mở tại ngân hàng Thương mại Cổ phần T chủ thẻ Nguyễn Tiến Q và số tài khoản 833833866 mở tại ngân hàng Thương mại Cổ phần M chủ thẻ Hoàng Thị G (vợ bị cáo Q). Bị cáo Q và bị cáo H đã thu của anh N tổng số tiền lãi là 140.000.000 đồng. Anh N mới trả được 50.000.000 đồng tiền gốc cho hai bị cáo. Tổng số tiền bị cáo Q và bị cáo H thu lợi bất chính như sau:

- Lần thứ nhất: Tháng 06/2022 bị cáo Q đưa cho bị cáo H số tiền 50.000.000 đồng để bị cáo H cho anh N vay và cứ 10 ngày anh N trả lãi suất/1 lần/số tiền 3.500.000 đồng. Đến tháng 01/2023 anh N đã trả cho bị cáo H tổng cộng 120.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 70.000.000 đồng, tiền gốc là 50.000.000 đồng. Tiền lãi thu được thì bị cáo H được hưởng 7.000.000 đồng, bị cáo Q được hưởng 63.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính hai bị cáo đã nhận là 64.520.548 đồng. Hai bị cáo và anh N đã thanh toán xong lần vay này.

- Lần thứ hai: Ngày 08/02/2023 bị cáo Q đưa cho bị cáo H số tiền là 50.000.000 đồng để bị cáo H cho anh N vay. Lãi suất anh N trả như lần 1. Đến ngày 26/8/2023 anh N đã trả cho bị cáo H số tiền lãi là 70.000.000 đồng số tiền gốc chưa trả. Tiền lãi thu được thì bị cáo H được hưởng 7.000.000 đồng còn bị cáo Q được hưởng 63.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính mà 02 bị cáo đã nhận là 64.520.548 đồng.

Tại cơ quan điều tra anh Hoàng Trọng N khai phù hợp với lời khai của bị cáo Q và bị cáo H.

Cáo trạng số 246/CT - VKSTPTB ngày 29/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố các bị cáo Nguyễn Tiến Q và Trần Trung H về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo Nguyễn Tiến Q và Trần Trung H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của các bị cáo.

Kiểm sát viên luận tội: Tại phiên toà không phát sinh tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Kiểm sát viên phân tích nguyên nhân, điều kiện phạm tội, đánh giá chứng cứ, xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của các bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tiến Q và Trần Trung H phạm tội " Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự ".

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

+ Bị cáo Nguyễn Tiến Q từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 35 triệu đồng đến 40 triệu đồng;

+ Bị cáo Trần Trung H từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 30 triệu đồng đến 35 triệu đồng;

- Về xử lý tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, đề nghị áp dụng biện pháp tư pháp bằng hình thức: Tịch thu số tiền gốc cho vay 100.000.000 đồng là phương tiện phạm tội, trong đó anh N đã trả lại cho bị cáo Q 50.000.000 đồng nên buộc bị cáo Q nộp lại số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc, buộc anh N nộp lại số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc. Tổng số tiền lãi 140.000.000 đồng, trong đó có 10.958.904 đồng là tiền lãi tương ứng lãi suất cao nhất pháp luật quy định nên cần buộc 02 bị cáo nộp lại để nộp ngân sách nhà nước, bị cáo Q nộp lại số tiền 9.863.014 đồng, bị cáo H nộp lại số tiền 1.095.890 đồng; số tiền còn lại 129.041.096 đồng là tiền do 02 bị cáo thu lợi bất chính của anh

N, 02 bị cáo đã trả lại cho anh N, anh N đã nhận đủ tiền và không có ý kiến gì về dân sự nên không phải giải quyết số tiền này tại bản án này.

- Về vật chứng: 01 điện thoại di động thu của bị cáo Q và 01 điện thoại di động thu của bị cáo H do 02 bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội đã được niêm phong trong 02 phong bì, đề nghị tịch thu hoá giá nộp ngân sách nhà nước.

- Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Chị Hoàng Thị G (vợ bị cáo Q) là chủ tài khoản 833833866 mở tại ngân hàng M nhưng chị G đã cho bị cáo Q sử dụng, tuy nhiên, bị cáo sử dụng như thế nào chị G không biết, chị G không biết việc bị cáo cho anh N vay tiền nên cơ quan điều tra không xử lý chị G là phù hợp.

Bị cáo bị cáo Q còn có hành vi cho anh Hoàng Văn Ph vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 1.500 đồng/triệu/ngày, tương ứng với lãi suất 54,75%/năm, bị cáo Q đã thu 900.000 đồng tiền lãi của anh Ph, số tiền bị cáo thu lời bất chính là 571.232 đồng. Hành vi này chưa đến mức xử lý hình sự nhưng vi phạm các quy định về quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về anh ninh, trật tự nên cơ quan điều tra đã đề nghị Uỷ ban nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền nên chấp nhận.

Các bị cáo Nguyễn Tiến Q và Trần Trung H xác định cáo trạng truy tố bị cáo về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên bị cáo không trình bày lời bào chữa, không trình bày ý kiến tranh luận về tội danh, mức hình phạt và các nội dung khác do Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa. Kết thúc phần tranh luận bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Các tài liệu, chứng cứ do Điều tra viên và Kiểm sát viên thu thập trong quá trình điều tra vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và đó là các tài liệu, chứng cứ hợp pháp chứng minh cho hành vi phạm tội của các bị cáo. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên các bị cáo không khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng.

[2] Căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Tại cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với Cáo trạng đã truy tố, đồng thời còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như: Đơn trình báo và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Kết quả sao kê các tài khoản ngân hàng, dữ liệu hình ảnh sao chụp lại nội dung tin nhắn Zalo giữa các bị cáo; Giữ liệu điện tử; cùng các tài liệu, chứng cứ khác chứng minh về hành vi phạm tội của

bị cáo thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2022 đến ngày 26/8/2023, các bị cáo Nguyễn Tiến Q và Trần Trung H đã cho anh Hoàng Trọng N, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn L, xã T, thành phố B, tỉnh Thái Bình vay 02 lần tiền, mỗi lần số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 7.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương ứng lãi suất cho vay 255%/năm. Cứ 10 ngày/1 lần anh N trả lãi cho bị cáo H số tiền 3.500.000 đồng. Đến ngày 26/8/2023, anh N đã trả cho bị cáo H 50.000.000 đồng tiền gốc và 140.000.000 đồng tiền lãi. Bị cáo Q được chia 126.000.000 đồng tiền lãi, bị cáo H được chia 14.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền 02 bị cáo thu lời bất chính là 129.041.096 đồng, trong đó, từng lần số tiền thu lời bất chính như sau: Lần thứ nhất: (70.000.000 đồng : 3.500.000 đồng) x 10 ngày = 200 ngày, số tiền thu lời bất chính lần 1 là: 70.000.000 đồng – (20%/365 x 200 ngày x 50.000.000 đồng) = 64.520.548 đồng, tương tự số tiền thu lời bất chính lần 2 là 64.520.548 đồng. Xét, các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, các bị cáo biết rõ cho vay tiền với mức lãi suất 7.000 đồng/1 ngày/1 triệu tương đương lãi suất cho vay là 255%/năm là vi phạm pháp luật; song, vì người đi vay gặp khó khăn đột xuất về kinh tế mà các bị cáo đã lợi dụng để cố ý cho vay tiền với mức lãi suất gấp trên 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Như vậy, hành vi của bị cáo Q và bị cáo H phù hợp với dấu hiệu định khung của tội phạm quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự, Điều 201 - Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định: *"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm; 2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm; 3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm".* Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Tiến Q và Trần Trung H đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt của Điều luật là có căn cứ, đúng pháp luật. Mức hình phạt Kiểm sát viên đề suất tại phiên tòa là tương xứng nên cần xem xét.

[3] Hoàng Thị G (vợ bị cáo Q) là chủ tài khoản 833833866 mở tại ngân hàng M nhưng chị G đã cho bị cáo Q sử dụng. Tuy nhiên, bị cáo sử dụng như thế nào chị G không biết, chị G không biết việc bị cáo cho anh N vay tiền nên cơ quan điều tra không xử lý chị G là phù hợp.

[4] Bị cáo bị cáo Q còn có hành vi cho anh Hoàng Văn Ph vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 1.500 đồng/triệu/ngày, tương ứng với lãi suất 54,75%/năm, bị cáo Q đã thu 900.000 đồng tiền lãi của anh Ph, số tiền bị cáo thu lời bất chính là 571.232 đồng. Mức lãi suất và số tiền thu lợi bất chính chưa đến mức bị truy cứu hình sự nên bị cáo không bị xử lý hình sự. Tuy nhiên, hành vi này vi phạm các quy định về

quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về anh ninh, trật tự nên cơ quan điều tra đã đề nghị Uỷ ban nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền nên chấp nhận.

[5] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy là nguy hiểm cho xã hội, vì hành vi đó đã cố ý xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân. Các bị cáo có biết hành vi cho vay lãi nặng của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nhưng vì vụ lợi nên vẫn cố tình thực hiện tội phạm nhằm thu lợi bất chính. Để bảo vệ chế độ quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ nên phải xử lý hình sự đối với tội phạm này để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có người chủ mưu, chỉ huy mà các bị cáo đều thực hiện với vai trò thực hành. Đánh giá vai trò của các bị cáo để cá thể hóa hình phạt khi lượng hình thì thấy bị cáo Q là người khởi xướng, chuẩn bị phương tiện phạm tội, rủ rê bị cáo H, thu lợi nhiều nhất từ hành vi cho vay lãi nặng nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án; bị cáo H tiếp nhận ý chí của bị cáo Q tìm khách hàng cho vay, thu lợi thấp hơn nên xác định bị cáo H tham gia với vai trò giúp sức trong vụ án.

[7] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo cho người vay vay 02 lần tiền, mỗi lần 50.000.000 đồng nên các bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng "Phạm tội từ 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; 02 bị cáo trước khi thực hiện hành vi phạm tội có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa 02 bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện trả lại số tiền thu lợi bất chính cho người vay, người vay có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo nên khi quyết định hình phạt 02 bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội không lớn, 02 bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và chưa có tiền án, tiền sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với 02 bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục. Cho vay lãi nặng là nhằm thu lời bất chính nên cần phạt bổ sung là tiền đối với các bị cáo, bị cáo H có 01 con còn rất nhỏ bị bệnh thiếu máu bẩm sinh nên chiếu cố giảm nhẹ hình phạt bổ sung cho bị cáo H, chỉ phạt dưới khung quy định. Việc áp dụng hình phạt đối với các bị cáo nêu trên chính là thể hiện chính sách hình sự của nhà nước ta.

[9] Về xử lý tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm: Đối với số tiền gốc 100.000.000 đồng là phương tiện phạm tội, trong đó anh N đã trả lại cho bị cáo Q 50.000.000 đồng, số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc còn lại anh N chưa trả. Tổng số tiền lãi 140.000.000 đồng anh N đã trả bị cáo Q, bị cáo H, trong đó số tiền thu lời bất chính là 129.041.096 đồng, số tiền 10.958.904 đồng là tiền lãi tương ứng lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự,

Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Toà án nhân dân Tối cao. Cần buộc bị cáo Q, bị cáo H, anh N nộp lại số tiền sau để nộp ngân sách nhà nước:

[9.1] Buộc bị cáo Q nộp lại số tiền gốc 50.000.000 đồng và số tiền lãi 9.863.014 đồng, cộng là 59. 863.014 đồng;

[9.2] Buộc anh N nộp lại số tiền gốc 50.000.000 đồng;

[9.3] Buộc bị cáo H nộp lại số tiền lãi 1.095.890 đồng;

[9.4] Số tiền thu lời bất chính là 129.041.096 đồng, bị cáo Q và bị cáo H đã trả lại cho anh N ngày 17/11/2023, anh N đã nhận đủ tiền và không có ý kiến gì về dân sự nên không phải giải quyết tại bản án này.

[10] Về vật chứng: 01 điện thoại di động thu của bị cáo Q và 01 điện thoại di động thu của bị cáo H do 02 bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội đã được niêm phong trong 02 phong bì. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, cần tịch thu hoá giá nộp ngân sách nhà nước.

[11] Về án phí: Bị cáo Q, bị cáo H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Q, bị cáo H và anh N có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Tiến Q, Trần Trung H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; khoản 2 Điều 35; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến Q 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm thời hạn tính từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

2.2. Xử phạt bị cáo Trần Trung H 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng thời hạn tính từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

3. Về xử lý tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Toà án nhân dân Tối cao. Buộc các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền sau để nộp ngân sách nhà nước:

3.1. Buộc bị cáo Nguyễn Tiến Q nộp lại số tiền gốc 50.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi 9.863.014 đồng, cộng là 59. 863.014 đồng;

3.2. Buộc bị cáo Trần Trung H nộp lại số tiền lãi 1.095.890 đồng;

3.3. Buộc anh Hoàng Trọng N, sinh năm 1993, trú tại thôn L, xã T, thành phố B, tỉnh Thái Bình nộp lại số tiền gốc 50.000.000 đồng tiền gốc;

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tịch thu 01 điện thoại di động thu của bị cáo Nguyễn Tiến Q và 01 điện thoại di động thu của bị cáo Trần Trung H được niêm phong trong 02 phong bì để hoá giá nộp ngân sách nhà nước.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Buộc các bị cáo Nguyễn Tiến Q và Trần Trung H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự. Án tuyên công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/01/2024.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP.Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- VKS tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hân